

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Giao Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 862/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy; số 538/QĐ-UBND ngày 16/3/2020, số 510/QĐ-UBND ngày 8/3/2021, số 2945/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất các năm 2020, 2021, 2022 huyện Giao Thủy và các quyết định bổ sung Kế hoạch sử dụng đất hằng năm huyện Giao Thủy;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định: số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Giao Thủy tại tờ trình số 364/TTr-UBND ngày 27/12/2022, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 35/TTr-STNMT ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Giao Thủy và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Giao Thủy với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Ghi chú
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		23.803,61	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	16.189,63	68,01	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.009,84	29,45	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	6.980,26	29,32	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	263,75	1,11	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.426,04	5,99	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	727,43	3,06	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.080,88	4,54	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,00	0,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5.183,72	21,78	
1.8	Đất làm muối	LMU	412,06	1,73	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	85,91	0,36	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.926,73	29,10	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,83	0,07	
2.2	Đất an ninh	CAN	8,68	0,04	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00	0,00	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	143,66	0,60	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	122,75	0,52	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	122,43	0,51	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00	
2.9	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	27,37	0,11	
2.10	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.134,98	17,37	
	Đất giao thông	DGT	1.523,25	6,40	
	Đất thủy lợi	DTL	2.281,71	9,59	
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,12	0,01	
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,99	0,00	
	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	2,86	0,01	
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,21	0,03	
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	76,46	0,32	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,48	0,01	
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00	
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,00	0,00	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	27,95	0,12	
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	67,88	0,29	
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	134,70	0,57	
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,00	0,00	
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,00	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)	Ghi chú
	Đất chợ	DCH	6,98	0,03	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	
2.12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	27,90	0,12	
2.13	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,28	0,05	
2.14	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.331,69	5,59	
2.15	Đất ở tại đô thị	ODT	105,94	0,45	
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	28,16	0,12	
2.17	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,26	0,01	
2.18	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	28,13	0,12	
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	385,70	1,62	
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	409,92	1,72	
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,96	0,08	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	687,24	2,89	

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Ghi chú
1	Đất nông nghiệp	NNP	336,04	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	297,1	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	296,82	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,2	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,48	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,33	
1.5	Đất làm muối	LMU	11,88	
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,05	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	57,03	
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,3	
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	51,71	
	Trong đó:		0	
	Đất giao thông	DGT	6,24	
	Đất thủy lợi	DTL	45,4	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,07	
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,12	
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,06	
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,1	
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,7	
2.7	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,04	

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Ghi chú
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	456,12	
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	371,55	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	371,27	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	8,37	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	30,14	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	33,81	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	12,2	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,05	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	16,08	

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,17
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất an ninh	CAN	0,1
2.2	Đất ở đô thị	ODT	0,07

5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 của huyện Giao Thủy (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao UBND huyện Giao Thủy chỉ đạo các phòng, ban liên quan:

- Công bố công khai các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu

và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan, chỉ tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Giao Thủy, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Lưu: VP1, VP6, VP3.
- KH10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng